

Bản án số: 72/2025/DS-ST

Ngày: 14/5/2025

V/v “*Tranh chấp hui*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Phát.

2. Ông Trần Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Ông Nguyễn Văn Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 420/2024/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Thùy D**, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14/5/2025.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Phạm Văn T1**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 22/8/2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/11/2024, Bản tự khai ngày 27/3/2025 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thùy D trình bày như sau:*

Trước đây, bà D có làm chủ hội, bà T tham gia chơi hội các dây như sau:

Dây thứ 1: Hội 3.000.000 đồng, hội khui ngày 25/4/2022 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, hội có 26 phần. Bà T hót đầu với số tiền 53.300.000 đồng. Sau khi hót hội, bà T đóng lại cho bà D được 13 phần thì không đóng nữa, bà D choàng dây hội này tới mãi 13 phần nữa nên bà T còn nợ lại bà D số tiền: 13 phần x 3.000.000 đồng = 39.000.000 đồng.

Dây thứ 2: Hội 3.000.000 đồng, hội khui ngày 05/10/2022 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, hội có 22 phần. Bà T hót thứ 2 ngày 05/11/2022 với số tiền 44.700.000 đồng. Sau khi hót hội, bà T đóng lại cho bà D được 06 phần thì không đóng nữa, bà D choàng dây hội này tới mãi 15 phần nữa nên bà T còn nợ lại bà D số tiền: 15 phần x 3.000.000 đồng = 45.000.000 đồng.

Dây thứ 3: Hội 1.000.000 đồng, hội khui ngày 15/01/2023 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, hội có 30 phần. Bà T hót thứ 2 ngày 15/02/2023 với số tiền 18.360.000 đồng. Sau khi hót hội, bà T đóng lại cho bà D được 4 phần thì không đóng nữa, bà D choàng dây hội này tới nay là 25 phần nữa nên bà T còn nợ lại bà D số tiền: 25 phần x 1.000.000 đồng = 25.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội mà bà T còn nợ bà D là 39.000.000 đồng + 45.000.000 đồng + 25.000.000 đồng = 109.000.000 đồng. Bà T đã trả bà D được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên còn nợ lại 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng).

Tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/11/2024, bà D khởi kiện bổ sung yêu cầu tính lãi suất 10%/năm số tiền nợ hội 107.000.000 đồng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (22/8/2023) đến ngày Tòa án xét xử vụ án (14/5/2025) với số tiền lãi là 18.487.000 đồng (20 tháng 22 ngày) và yêu cầu ông Phạm Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền trên. Vì ông T1 là chồng bà T, biết bà T có chơi hội bà D, việc bà T chơi hội để hỗ trợ sinh hoạt chung trong gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T1 vẫn còn.

** Tại Biên bản làm việc ngày 14/11/2024, bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:*

Bà thừa nhận có chơi hụi của bà Huỳnh Thị Thùy D các dây hụi mà bà D trình bày là đúng. Hiện bà còn nợ lại số tiền hụi 107.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tổng đạt hợp lệ cho ông Phạm Văn T1 các văn bản tố tụng nhưng ông T1 vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án mặc dù ông vẫn còn sinh sống tại địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Phạm Văn T1.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thùy D. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Thùy D số tiền nợ hụi 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng) và 18.487.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Huỳnh Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ hui. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hui” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú của Công an xã T thì bà Nguyễn Thị T có đăng ký thường trú tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng bà T, ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Huỳnh Thị Thùy D vắng mặt và có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 14/5/2025. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[4] Bà Huỳnh Thị Thùy D khởi kiện cho rằng có cho bà Nguyễn Thị T trả số tiền hui 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng) đến nay chưa trả. Cơ sở khởi kiện là 03 “Giấy hui” (bút lục 24-25-26).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T thừa nhận còn nợ bà Huỳnh Thị Thùy D số tiền hui 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng). Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện bà Huỳnh Thị Thùy D buộc bà Nguyễn Thị T trả số tiền hui 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 471 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính lãi suất: Bà Huỳnh Thị Thùy D yêu cầu tính lãi số tiền hui 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng) với lãi suất 10%/năm, tính từ ngày nộp đơn 22/8/2023 cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án (ngày 14/5/2025).

Hội đồng xét xử xét thấy: Các dây hụi của bà Huỳnh Thị Thùy D khi tham gia chơi hụi các bên không có thỏa thuận lãi suất. Do đó, đây là dây hụi không có lãi. Điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường quy định:

“2. Trường hợp đến kỳ mở họ mà thành viên đã lĩnh họ không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì phải trả lãi như sau:

Trường hợp họ (hụi) không có lãi, lãi suất được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp họ trên thời gian chậm góp, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 21 của Nghị định này của số tiền chậm góp trên thời gian chậm góp”.

- Khoản 1 Điều 21 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường quy định:

“Điều 21.

1. Lãi suất trong họ có lãi do các thành viên của dây họ thỏa thuận hoặc do từng thành viên đưa ra để được lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ nhưng không vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần họ phải góp trừ đi giá trị các phần họ đã góp trên thời gian còn lại của dây họ. Trường hợp mức lãi suất giới hạn nói trên được điều chỉnh bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì áp dụng mức lãi suất giới hạn được điều chỉnh đó”.

Thấy rằng, bà Nguyễn Thị T là hụi viên đã hốt hụi, sau đó, không tiếp tục đóng hụi các phần còn lại của dây hụi đến mãn mà chủ hụi bà Huỳnh Thị Thùy D đã choàng thay cho đến nay.

Từ những cơ sở trên thấy rằng, yêu cầu tính lãi số tiền nợ hụi của Nguyễn Thị Thu V từ ngày nộp đơn khởi kiện 22/8/2023 đến ngày xét xử vụ án (14/5/2025) phù hợp với các quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 2 Điều 22, Điều 21 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

107.000.000 đồng x 10%/năm x 20 tháng 22 ngày = 18.487.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Vậy, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Thùy D số tiền hụi là 125.487.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi bảy

ngàn đồng), bao gồm 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng) tiền nợ
hội, 18.487.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tiền
lãi.

[6] Về yêu cầu liên đới trả nợ: Bà Huỳnh Thị Thùy D yêu cầu ông Phạm
Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Nguyễn Thị T.

Thấy rằng, ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy
ban nhân dân xã T số: 103/2004 ngày 13/12/2004, quan hệ hôn nhân giữa ông bà
vẫn còn tồn tại. Bà T chơi hội hỗ trợ sinh hoạt chung trong gia đình. Ngoài ra,
quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho
ông Phạm Văn T1 để ông T1 biết và có ý kiến đối với yêu cầu liên đới của
nguyên đơn nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không lý do là đã từ bỏ quyền, lợi ích
hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 91
Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu buộc ông Phạm Văn
T1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà Nguyễn Thị T trả số nợ, lãi nêu trên cho bà
Huỳnh Thị Thùy D.

[7] LỜI đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và
nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Thùy D không
phải chịu án phí và bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn T1 phải có nghĩa vụ liên
đới chịu án phí theo quy định.

Cụ thể:

$125.487.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.275.000 \text{ đồng}$ (Sáu triệu hai trăm bảy
mươi lăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản
2 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố
tụng dân sự;

Điều 21 Điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày
19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hội, họ, biên, phường.

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thùy D đối với bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn T1 về việc tranh chấp “Hụi”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Thùy D số tiền hụi là 125.487.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng), bao gồm 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng) tiền nợ hụi, 18.487.000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí là 6.275.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

H lại cho bà Huỳnh Thị Thùy D số tiền án phí đã nộp là 3.025.000 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006803 ngày 28 tháng 10 năm 2024; 0006905 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ